ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3858 /QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 02 tháng 11năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 9881/SNV-XDCQ&CTTN ngày 14/10/2026 và đề nghị của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa tại Tờ trình số 02-TTr/UBH ngày 01/7/2026 và Công văn số 167-CV/UBH ngày 06/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa đã được Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa lần thứ I, nhiệm kỳ 2026-2029 thông qua ngày 16/6/2026.

Sở Nội vụ và Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Khánh Hòa chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định nội dung Điều lệ Hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa, Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Khánh Hòa;
- VPUB: LĐ, KGVX, TTCB và CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TP, NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Nguyễn Thanh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Quyết định số 3858 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi:

a) Tên tiếng Việt: Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa;

b) Tên viết tắt tiếng Việt: Hội LHTN Việt Nam tỉnh Khánh Hòa;

c) Tên tiếng Anh: Khanh Hoa Provincial Viet Nam Youth Federation.

2. Biểu tượng: Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa có biểu tượng theo biểu tượng của Trung ương Hội LHTN Việt Nam.

3. Bài ca chính thức của Hội là bài hát Lên Đàng, nhạc Lưu Hữu Phước, lời Huỳnh Văn Tiếng.

4. Ngày truyền thống của Hội: ngày 15 tháng 10.

5. Hội có đồng phục và nghi thức do Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHTN Việt Nam hướng dẫn.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của thanh niên tỉnh Khánh Hòa, nhằm mục đích đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên trong và ngoài tỉnh cùng phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội.

2. Trụ sở của Hội đặt tại tỉnh Khánh Hòa.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi toàn tỉnh, trong lĩnh vực thanh niên theo quy định của pháp luật.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND tỉnh; sự quản lý của các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, hoạt động dưới

sự hướng dẫn của Trung ương Hội LHTN Việt Nam. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh là tổ chức giữ vai trò nòng cốt chính trị trong xây dựng tổ chức và hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Đoàn kết, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 6. Quyền hạn

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Hội.

4. Đoàn kết, tập hợp, giáo dục lý tưởng cho mọi tầng lớp thanh niên trong tỉnh. Hướng dẫn và tạo điều kiện để hội viên hoàn thiện nhân cách, trở thành công dân tốt, cống hiến tài năng và sức trẻ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên và cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội.

6. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội.

7. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

8. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách theo đề nghị của cơ quan nhà nước; tham gia cung cấp dịch vụ công, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

9. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

10. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của

Hội.

11. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Hội.

12. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao (nếu có).

13. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

14. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội.

15. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội.

2. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

5. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

6. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động, Điều lệ, quy chế, quy định của Hội và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới hội viên.

7. Khuyến khích và tổ chức cho hội viên, thanh niên tham gia tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và các hoạt động ích nước, lợi nhà, hướng thiện theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức các hoạt động thiết thực, góp phần giải quyết và đáp ứng những nhu cầu chính đáng của hội viên, thanh niên theo quy định của pháp luật.

9. Đề xuất và kiến nghị kịp thời với các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội cùng chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên theo quy định của pháp luật.

10. Đoàn kết, hợp tác với các tổ chức thanh niên trong và ngoài tỉnh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội vì cuộc sống văn minh, hạnh phúc của thanh niên theo quy định của pháp luật.

11. Thường xuyên chăm lo xây dựng Hội, mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên, tích cực tham gia xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

12. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Hội để làm cơ sở cho Hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

13. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

14. Báo cáo hồ sơ tổ chức Đại hội theo quy định tại khoản 7, 8, 9, 10 Điều 19 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

15. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Ủy ban, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Hội phải báo cáo UBND tỉnh, qua Sở Nội vụ.

16. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Hội với UBND tỉnh và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

17. Hằng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với UBND tỉnh trước ngày 31 tháng 12.

18. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

19. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ Hội.

20. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, biên bản các cuộc họp Ủy ban, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra Hội.

21. Kinh phí thu được phải dành cho hoạt động Hội theo quy định của Điều lệ Hội, không được chia cho hội viên.

22. Ban hành các quy chế về hoạt động của Ủy ban, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra Hội; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội; quản lý và sử dụng con dấu của Hội và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

23. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội;

b) Hội viên danh dự: công dân, tổ chức Việt Nam có nhiều thành tích, công lao đóng góp cho Hội nhưng không có điều kiện gia nhập Hội hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội thì có thể được công nhận là hội viên danh dự của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên tổ chức: Tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực thanh niên hoặc có liên quan đến lĩnh vực thanh niên; các tổ chức thanh niên Việt Nam được thành lập theo quy định pháp luật, đang học tập, lao động, công tác ở nước ngoài tuân thủ theo pháp luật nước sở tại và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đại diện cho hội viên tổ chức phải là công dân Việt Nam.

b) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam từ 16 tuổi trở lên đến 30 tuổi có nguyện vọng tham gia Hội; công dân Việt Nam trên 30 tuổi có nguyện vọng, có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động Hội. Những thanh niên sau đây không xem xét công nhận vào Hội: Đang trong thời gian thi hành án phạt tù, giáo dục cải tạo tập trung, cải tạo không giam giữ, đang trong thời gian tạm giam, tạm giữ, bị hạn chế một số quyền công dân; mắc bệnh tâm thần.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Các quyền chung:

a) Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

b) Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

c) Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

d) Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

đ) Được giới thiệu hội viên mới.

e) Được khen thưởng theo quy định của Hội.

g) Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

h) Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

i) Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ủy ban, Ban Kiểm tra Hội.

2. Quyền của hội viên tổ chức:

Ngoài những quyền được quy định tại khoản 1 Điều này, hội viên tổ chức còn được hưởng những quyền sau:

a) Thảo luận, đề nghị các vấn đề về hoạt động của Ủy ban Hội;

b) Giới thiệu đại diện của mình vào Ủy ban Hội;

c) Yêu cầu Hội tổ chức phối hợp hoạt động với thành viên khác theo sáng kiến của mình vì mục tiêu chung.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Các nghĩa vụ chung:

a) Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội;

b) Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh;

c) Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản;

d) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội;

đ) Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội;

e) Bàn giao lại công việc và tài sản, tài chính có liên quan (nếu có) khi không còn hoạt động ở Hội.

2. Nghĩa vụ của hội viên tổ chức:

Ngoài những nghĩa vụ được quy định tại khoản 1 Điều này, hội viên tổ chức còn phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện Điều lệ Hội và các quyết định, các chương trình hoạt động đã thống nhất;

b) Tổ chức và đôn đốc hội viên của tổ chức mình tham gia các hoạt động của Hội, thực hiện nhiệm vụ hội viên;

c) Đóng góp tài chính, ủng hộ về vật chất, tinh thần cho Hội;

d) Hiệp thương thống nhất về định hướng, nội dung hoạt động và công tác nhân sự.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

Tổ chức và công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này nếu có nguyện vọng trở thành hội viên của Hội phải nộp hồ sơ xin gia nhập Hội tại Văn phòng Hội:

a) Đối với hội viên tổ chức, hồ sơ xin gia nhập Hội gồm:

- Đơn xin gia nhập Hội;

- Bản sao có chứng thực: Điều lệ, Quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Danh sách lãnh đạo chủ chốt của tổ chức, công văn cử người đại diện và hồ sơ của người đại diện tổ chức tham gia Hội, bao gồm: Lý lịch có xác nhận

của cơ quan có thẩm quyền, bản sao có chứng thực căn cước công dân;

- Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ Hội và các quy định khác của Hội;

- Đóng hội phí theo quy định của Hội.

b) Đối với hội viên cá nhân, hồ sơ xin gia nhập Hội gồm có:

- Đơn xin gia nhập Hội;

- Lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, bản sao có chứng thực căn cước công dân;

- Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ Hội và các quy định khác của Hội;

- Nộp hội phí theo quy định của Hội.

c) Ban Thư ký xem xét, quyết định kết nạp hội viên theo quy định của Điều lệ Hội.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Hội viên thấy không thể tiếp tục là hội viên của Hội thì làm đơn gửi Ban Thư ký. Ban Thư ký xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban Hội, hội viên của Hội.

b) Ban Thư ký xem xét, quyết định khai trừ hội viên ra khỏi Hội khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ và các quy định của Hội, làm tổn hại đến quyền lợi, uy tín và sự đoàn kết của Hội;

- Đối với hội viên tổ chức: bị đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Đối với hội viên cá nhân: bị tước quyền công dân theo quy định của pháp luật;

c) Hội viên của Hội đương nhiên không còn là hội viên của Hội trong các trường hợp sau:

- Đối với hội viên tổ chức: bị tuyên bố giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

- Đối với hội viên cá nhân: mất năng lực hành vi dân sự, tuyên bố mất tích hoặc chết.

d) Sau khi Ban Thư ký xem xét, quyết định, Chủ tịch Hội có trách nhiệm thay mặt Ban Thư ký ký ban hành quyết định chấm dứt tư cách hội viên.

3. Ủy ban Hội ban hành Quy chế quy định cụ thể về kết nạp hội viên, hội viên ra khỏi Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương IV
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội;

2. Ủy ban Hội;

3. Ban Thư ký;

4. Ban Kiểm tra;

5. Văn phòng Hội;

6. Tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ủy ban hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;

b) Thông qua chương trình Đại hội, quy chế Đại hội, quy chế bầu cử;

c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ủy ban, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội;

d) Thảo luận đổi tên Hội (nếu có); thông qua việc sửa đổi, bổ sung hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự Đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ủy ban, Ban Kiểm tra Hội;

g) Hiệp thương bầu Ủy ban, Ban Kiểm tra Hội;

h) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);

i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc

quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

Điều 14. Ủy ban Hội

1. Ủy ban Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của thành viên Ủy ban do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ủy ban trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Khi một thành viên Ủy ban Hội là đại diện của hội viên tổ chức không còn giữ nhiệm vụ trong tổ chức của mình nữa thì đương nhiên thôi tư cách ủy viên. Hội viên của hội viên tổ chức hiệp thương bầu nhân sự mới thay thế và đề nghị Ủy ban Hội công nhận.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Hiệp thương bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thư ký, ủy viên Ủy ban, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; hiệp thương bầu bổ sung thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra. Số thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra (kể cả thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Hiệp thương bầu Trưởng Ban, Phó Ban Kiểm tra; hiệp thương bầu bổ sung Trưởng Ban, Phó Ban Kiểm tra trong nhiệm kỳ khi có sự thay đổi;

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban Hội:

a) Ủy ban Hội hoạt động theo Quy chế của Ủy ban Hội, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ủy ban Hội mỗi năm họp ít nhất 01 lần, có thể họp bất thường khi có

yêu cầu của Ban Thư ký hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ủy ban Hội đề nghị. Ủy ban Hội có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ủy ban Hội quyết định;

c) Các cuộc họp của Ủy ban Hội là hợp lệ khi có 1/2 (một phần hai) thành viên Ủy ban tham gia dự họp. Ủy ban có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ủy ban quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ủy ban Hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ủy ban biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ủy ban Hội có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban Hội thông qua việc lấy ý kiến Ủy ban Hội bằng văn bản hoặc hình thức điện tử.

5. Thành viên Ủy ban Hội xin ra khỏi Hội phải có đơn và được đưa ra cuộc họp Ủy ban Hội xem xét, quyết định. Trước khi ra khỏi Hội, thành viên Ủy ban Hội phải bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách (nếu có) cho tổ chức, cá nhân được Ủy ban Hội ủy quyền.

Điều 15. Ban Thư ký

1. Ban Thư ký là cơ quan điều hành công việc của Ủy ban Hội giữa hai kỳ họp do Ủy ban Hội hiệp thương bầu trong số các thành viên Ủy ban. Ban Thư ký có Thường trực gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Ban Thư ký chuyên trách thay mặt Ban Thư ký điều hành công việc hằng ngày của Hội.

2. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ban Thư ký do Ủy ban Hội quyết định nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số lượng thành viên Ủy ban Hội đã được Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thư ký trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký:

a) Giúp Ủy ban Hội triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ủy ban Hội;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ủy ban Hội;

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ủy ban Hội; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thư ký:

a) Ban Thư ký hoạt động theo Quy chế do Ủy ban Hội ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thư ký họp định kỳ mỗi tháng 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thư ký. Ban Thư ký có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng

trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thư ký quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thư ký là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Thư ký tham gia dự họp. Ban Thư ký có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thư ký quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thư ký được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thư ký biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thư ký có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thư ký thông qua việc lấy ý kiến Ban Thư ký bằng văn bản hoặc hình thức điện tử.

Điều 16. Ban Kiểm tra của Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu. Ban Kiểm tra gồm Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ủy ban, Ban Thư ký, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thư ký, Ủy ban xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thư ký. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

c) Ban Kiểm tra thông báo kết quả kiểm tra đến Ban Thư ký, Ủy ban Hội; tổng hợp báo cáo Đại hội kết quả kiểm tra của Hội trong nhiệm kỳ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

a) Ban Kiểm tra hoạt động theo nguyên tắc độc lập, làm việc theo chế độ tập thể;

b) Chịu trách nhiệm trước Hội về công tác kiểm tra của Hội;

c) Hoạt động theo Quy chế do Ủy ban Hội ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

d) Ban Kiểm tra mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm tra Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm tra; hình thức họp tập trung hoặc trực tuyến qua mạng điện

tử; giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản hoặc điện tử;

đ) Các quyết định của Ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm tra biểu quyết tán thành.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ủy ban bầu trong số các thành viên Ban Thư ký. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ủy ban Hội quy định.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Hội:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực Hội hoạt động;

- Có quốc tịch Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;

- Có năng lực, kinh nghiệm trong công tác Hội và phong trào thanh niên;

- Có uy tín, tiêu biểu đại diện cho các tầng lớp thanh niên;

- Có khả năng và điều kiện tham gia giải quyết công việc theo yêu cầu của Ủy ban Hội;

- Gương mẫu, nêu gương trong công tác và sinh hoạt;

- Tư duy đổi mới và quyết liệt hành động;

- Là trung tâm đoàn kết và quy tụ thành viên Ủy ban Hội và thanh niên.

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh chủ tịch quá 02 hội;

- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của Hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Nhân sự dự kiến Chủ tịch Hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ủy ban, Ban Thư ký Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành

lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ủy ban, Ban Thư ký Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ủy ban, Ban Thư ký Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ủy ban; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thư ký Hội;

d) Thay mặt Ủy ban, Ban Thư ký ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Số lượng các Phó Chủ tịch không quá 1/2 (một phần hai) số lượng Ban Thư ký.

5. Phó Chủ tịch Hội do Ủy ban bầu trong số các thành viên Ban Thư ký Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ủy ban Hội quy định. Phó Chủ tịch Hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền;

b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ủy ban, Ban Thư ký Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra, xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội;

b) Ủy ban Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Văn phòng Hội

1. Văn phòng Hội là bộ phận tham mưu, giúp việc Ủy ban, Ban Thư ký, Chủ tịch, Phó Chủ tịch triển khai các hoạt động của Hội.

2. Ủy ban Hội quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, Quy chế hoạt động của Văn phòng, tổ chức thuộc Hội theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổ chức thuộc Hội

1. Tổ chức cơ sở thuộc Hội bao gồm các chi hội, câu lạc bộ, tổ, đội, nhóm và các hình thức tập hợp thanh niên được Ủy ban Hội thành lập theo địa bàn dân cư, trong trường học, cơ quan, doanh nghiệp; theo nghề nghiệp, sở thích và các nhu cầu chính đáng khác của thanh niên. Tổ chức cơ sở thuộc Hội là các tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, do Ban Thư ký Hội quyết định thành lập trên cơ sở Nghị quyết của Ủy ban Hội. Các chi hội, tổ, đội, nhóm, câu lạc bộ cử ra cấp trưởng và cấp phó để điều hành công việc hằng ngày. Tổ chức cơ sở thuộc Hội có trách nhiệm:

a) Quản lý hội viên, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chương trình công tác của Hội;

b) Tập hợp, phản ánh các nguyện vọng, kiến nghị của hội viên với lãnh đạo Hội;

c) Thực hiện Quy chế về tổ chức và hoạt động của các tổ chức cơ sở thuộc Hội theo quy định.

2. Việc thành lập tổ chức pháp nhân thuộc Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội (do Ban Thư ký Hội quyết định thành lập trên cơ sở Nghị quyết của Ủy ban Hội). Người đứng đầu các tổ chức pháp nhân thuộc Hội chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội, Ban Thư ký, Ủy ban Hội và trước pháp luật về mọi hoạt động của tổ chức pháp nhân.

Điều 20. Quan hệ giữa Ủy ban Hội và các hội viên tổ chức

Quan hệ giữa Ủy ban Hội và các hội viên tổ chức thực hiện theo nguyên tắc: Ủy ban Hội thống nhất chủ trương, chương trình hành động và hướng dẫn hội viên tổ chức thực hiện; hội viên tổ chức xây dựng chương trình phù hợp với chủ trương chung và báo cáo thường xuyên với Ủy ban Hội.

Chương V
ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 21. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ủy ban Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 22. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất,

bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 23. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Hội phí của hội viên;

- Thu từ các hoạt động của Hội và các tổ chức trực thuộc Hội;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có);

- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ủy ban Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ủy ban Hội.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội.

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội do Thường trực Hội quản lý và thực hiện theo yêu cầu hoạt động Hội, đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Ủy ban Hội ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội phù hợp Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Khi Hội giải thể hoặc bị giải thể thì toàn bộ tài sản, tài chính của Hội được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hội

1. Giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi chia, tách:

a) Sau khi chia Hội, Hội bị chia chấm dứt hoạt động, quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính được chuyển giao cho Hội mới theo quyết định chia Hội;

b) Sau khi tách, các Hội thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính của mình phù hợp với mục đích hoạt động của Hội đó.

2. Giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi sáp nhập:

a) Hội được sáp nhập vào Hội khác, thì tài sản, tài chính của Hội được sáp nhập chuyển giao cho Hội sáp nhập;

b) Hội sáp nhập được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp về tài sản, tài chính hiện có, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán về tài sản, tài chính và các hợp đồng dịch vụ đang thực hiện của Hội được sáp nhập.

3. Giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi Hội hợp nhất:

a) Sau khi hợp nhất Hội thành Hội mới, các Hội hợp nhất chấm dứt tồn tại, Hội mới được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ mà các Hội hợp nhất đang thực hiện;

b) Tài sản, tài chính của các Hội hợp nhất không được phân chia, chuyển dịch mà được chuyển giao toàn bộ cho Hội mới.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng của Hội

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 27. Kỷ luật của Hội

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức:

- Đối với người làm việc tại Hội: khiển trách, cảnh cáo, thôi giữ chức danh trong Ủy ban Hội, thôi công nhận là hội viên.

- Đối với hội viên cá nhân: khiển trách, cảnh cáo, thôi công nhận là hội viên.

- Đối với hội viên tổ chức: khiển trách, cảnh cáo, thôi công nhận là hội viên tổ chức của Hội.

- Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội được Đại hội thông qua khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức được triệu tập tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) phải được Hội hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 8 (tám) chương và 29 (hai mươi chín) Điều đã được thông qua tại Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa lần thứ I, nhiệm kỳ 2026 - 2029 ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại tỉnh Khánh Hòa và có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa, hội viên tổ chức, các đơn vị trực thuộc và toàn thể hội viên có trách nhiệm chấp hành Điều lệ này.

3. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ủy ban Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.